

**QUAN HỆ QUỐC TẾ****CUỘC XUNG ĐỘT ISRAEL - PALESTINES  
THEO HAI CÁCH NHÌN CỦA BÁO NEW YORK TIMES  
VÀ BÁO HAARETZ***(tiếp theo)*

Đỗ Trọng Quang

**Về bức tường an ninh của  
Israel và cuộc rút lui khỏi Gaza**

Một hàng rào an ninh được người Israel xây dựng năm 2002 dọc nơi họ coi có thể là ranh giới cuối cùng của họ, nhưng hàng rào này thực tế vượt ra ngoài biên giới Israel được quốc tế công nhận. Tại một vài nơi, như ở Jerusalem, hàng rào là một bức tường cao, và ở chỗ khác, nó chỉ là một mạng lưới đường hào và những tấm chắn có truyền điện, được canh gác bằng tiền đồn và đội tuần tra.

Chính phủ Ariel Sharon nhiều lần nhấn mạnh rằng, mục đích của hàng rào chỉ là để tăng cường an ninh bằng cách ngăn cản các phần tử khủng bố Palestines thâm nhập Israel. Quả thật số vụ khủng bố đã giảm đáng kể ở nhiều nơi từ ngày có bức tường an ninh, nhưng rõ ràng hàng rào còn nhằm để Chính phủ Israel chiếm những vùng đất Palestines ở ngoài ranh giới, và để các khu định cư lớn nhất và quan trọng nhất của dân Do Thái ở Bờ Tây và Đông Jerusalem được vĩnh viễn sáp nhập vào Israel. Hơn nữa, số vụ khủng bố giảm bớt còn do nhiều nhân tố khác, nhất là quyết định của Hamas đình chỉ hầu hết các cuộc tấn công trong thời gian từ 18 đến 24 tháng.

Khi hàng rào được xây dựng xong, Israel sẽ chiếm phần lớn "Đại Jerusalem", một khu vực cho đến nay kéo dài vào Bờ Tây ở chỗ hẹp nhất, gần như cắt Bờ Tây làm hai phần. Ngoài ra, Israel sẽ sáp nhập khoảng 10 phần trăm những chỗ nhiều nước và phì nhiêu nhất của Bờ Tây, sẽ chia cắt khu vực còn lại thành một số vùng đất Palestines hầu như không liền nhau, xung quanh là những chốt kiểm tra, đường sá, và tiền đồn quân sự Israel.

Điều này đã được bàn đến trong nhiều công trình nghiên cứu và điều tra của nhiều học giả độc lập, nhiều tổ chức phi chính phủ (NGO), kể cả tổ chức Ân xá Quốc tế, B'tselem (tổ chức nhân quyền hàng đầu của Israel), Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc, và Ngân hàng Thế giới. Chẳng những thế, các phần của hàng rào chạy ra ngoài biên giới được công nhận của Israel đã bị Tòa án Quốc tế tuyên bố là trái với luật pháp. Vấn đề đã được trình bày chi tiết ở *Haaretz* cùng các báo chí khác của Israel.

Tuy nhiên, *New York Times* coi cuộc tranh cãi về hàng rào an ninh chỉ đơn giản do "nhận thức" khác nhau giữa người Israel và dân Palestines. Tháng 9/2003, phóng viên Richard Stevenson viết rằng: "Israel nói hàng

rào... có mục đích làm cho các phân tử đánh bom liều chết khó xâm nhập Israel hơn”, còn “người Palestines thì nói đây là mưu toan chiếm đất tranh chấp và chia cắt các cộng đồng Palestines”. Vài ngày sau, Alan Cowell viết rằng “có những nhận thức xung đột nhau về mục đích của hàng rào. Israel nói đây là một biện pháp an ninh... Nhiều người Palestines gọi nó là một vụ cướp đất... tước đoạt đất đai lịch sử của họ”.

Tháng 1 năm 2004, James Bennet, phóng viên chính của *New York Times* tại Israel, nói rằng các quan chức Palestines đã đưa vụ hàng rào ra Tòa án Quốc tế, vì theo họ thì “người Palestines bị sỉ nhục, bị nhốt vào một cái lồng và không được làm việc”. Tiếp theo, Bennet nói: “Dân Israel lập tức bảo rằng hàng rào là cần thiết để ngăn chặn những kẻ giết người”.

Tháng 2/2004, *New York Times* cho biết Israel sẽ không dự các phiên xử của Tòa án Quốc tế, vì hàng rào đó “cần thiết để ngăn cản các phân tử Palestines đánh bom tự sát và... để sáp nhập các khu định cư Do Thái”. Tiếp theo, bài báo viết “người Palestines lập luận rằng đường đi của hàng rào chiếm những khoảnh đất lớn mà họ đòi để xây dựng một nhà nước sau này”. Tháng 6/2000, một phóng viên khác của *New York Times* nhắc lại điệp khúc: “Israel nói hàng rào tuyệt đối chỉ là một biện pháp an ninh”, trong khi “người Palestines tố cáo nó là một vụ tịch thu đất có thể làm xáo lộn cuộc sống của dân Palestines và làm phức tạp nỗ lực xây dựng một nhà nước Palestines”.<sup>1</sup>

Sự tương phản giữa *New York Times* và *Haaretz* càng bộc lộ rõ, khi tờ báo Israel nói rằng nếu việc xây dựng hàng rào “tuyệt đối” chỉ là một biện pháp an ninh, thì nó chẳng cần

kéo dài quá đường ranh giới. Từ năm 2002, *Haaretz* nói rằng hàng rào sẽ mở rộng biên giới của Israel để sáp nhập “Đại Jerusalem” cùng những khu định cư chính ở Bờ Tây, và sẽ có hậu quả kinh tế, chính trị, và tâm lý tiêu cực cho người Palestines cũng như hy vọng của họ muốn có một nhà nước tồn tại và phát triển. Các nhà báo Israel thường so sánh cuộc chiếm đóng với chính sách *apartheid* ở Nam Phi trước kia.

Nhà báo Yossi Sarid từng viết rằng “tấm hàng rào của Sharon là một tội ác chống loài người” vì “khi dân Palestines tỉnh giấc buổi sáng... họ sẽ nhìn thấy bức tường quái gở ngăn cách họ với người thân trong gia đình, với đồng ruộng và vườn cây, với những giao dịch kinh doanh... và ngăn cách con cái họ với trường học. Họ thấy mảnh đất nghèo khổ của họ bị cướp khỏi tay họ. Sharon đáng làm Thủ tướng Nam Phi những ngày đen tối nhất của *apartheid*.”<sup>2</sup>

Tuy nhiên, Chính phủ Olmert đã từ bỏ lời khẳng định của Sharon rằng, mục đích của hàng rào chỉ để tăng cường an ninh của Israel và có thể chỉ là tạm thời. Ông công khai tuyên bố hàng rào có thể đánh dấu mốc biên giới cuối cùng của nước ông<sup>3</sup>. Nói cách khác, hàng rào ngăn cách là một yếu tố cấu thành trong chính sách chiếm đóng của Israel, khiến dân Palestines nghèo khổ hơn.

Tháng 8/2005, Thủ tướng Sharon ra lệnh rút khoảng 21 khu định cư nhỏ của người Israel ở Gaza (có chừng 9.000 người định cư). Ông nói rằng đây là một biện pháp cần thiết để giải quyết “vấn đề dân số” Israel, tức là trong một vài năm nữa, sẽ có nhiều dân Ả-rập hơn người Do Thái ở Israel và các lãnh thổ chiếm đóng. *New York Times* thường trình bày cuộc rút lui

đó là sự đảo ngược đùng cảm chính sách trước kia của Sharon, một bước đầu tiên tiến đến giải pháp hai nhà nước. Một bài xã luận viết rằng, ông Sharon có quyền tự hào về hành động của mình, và kết luận rằng người Palestines mang gánh nặng là “phải tỏ ra họ có thể cai quản họ”.

Ngược lại, nhiều bài xã luận của *Haaretz* bác bỏ quan điểm cho rằng, cuộc rút lui khỏi Gaza báo hiệu bước đầu một sự đảo ngược lớn chính sách của Sharon về các khu định cư và cuộc chiếm đóng ở Bờ Tây. Mặc dù các khu định cư cùng những tiền đồn quân sự canh gác chúng đã được rút đi, *Haaretz* nói rằng thậm chí sau khi Hamas thắng cử năm 2006, Israel vẫn tiếp tục kiểm soát Gaza về kinh tế và quân sự, tuy ít hơn nhiều từ khi Hamas tiếp quản tháng 6/2007. Sự kiểm soát Gaza của Israel chẳng khác nào một cuộc “bao vây”. Từ lúc *intifada* bùng nổ, Israel nhiều lần tấn công các chiến binh Gaza, bắn phá làm thiệt mạng hàng trăm người Palestines vô tội.

Người Israel kiểm soát tất cả các ranh giới và đường sá giữa Gaza với thế giới bên ngoài, cắt Gaza khỏi Bờ Tây, không cho dân Gaza xây dựng sân bay hoặc hải cảng. Họ kiểm soát hoàn toàn mạng lưới điện và các nguồn nước của khu vực, lấy thuế thu nhập của dân Gaza, cắt đứt buôn bán giữa Gaza với Israel. Hành động đó đã bóp nghẹt nền kinh tế Gaza, làm dân Gaza nghèo khổ hơn cả lúc túng quẫn trước khi người Israel rút đi.

Còn về cuộc chiếm đóng của Israel nói chung, thì chẳng phải chỉ các nhà bình luận của *Haaretz* mà cả nhiều thủ lĩnh chính trị cũ của Israel cũng như các nhân vật quốc tế đấu tranh cho nhân quyền cũng nói rằng, kế hoạch thật sự của ông Sharon là để

giành sự ủng hộ quốc tế và để củng cố việc chiếm đóng các bộ phận lớn của Bờ Tây, bao gồm những khu đất phì nhiêu và nhiều nước nhất. Tháng 10/2005, Amira Hass viết: “Kế hoạch của Israel là để chia cắt lãnh thổ Palestines mà các nghị quyết quốc tế dành cho một nhà nước Palestines, tức là Bờ Tây và dải Gaza..., để thật sự cắt Gaza khỏi Bờ Tây và cho phép dân Palestines ở Bờ Tây sống giữa các khối định cư Do Thái ngày càng mở rộng, trong một vài vùng đất mà liên lạc bằng giao thông được phó mặc cho Israel quyết định”. Tương tự như thế, Tom Segey viết về kế hoạch của Sharon như sau: “Ý tưởng là sáp nhập vào Israel càng nhiều đất càng tốt dọc ranh giới và thung lũng Jordan, và tập trung dân Palestines vào những vùng đất hoặc hoàn toàn cô lập với nhau hoặc chỉ nối với nhau bằng những dải đất hẹp. Gaza là vùng đất đầu tiên ông ta tạo ra...”.

Trong số các quan chức Israel cao cấp cũ khác đã lên tiếng mạnh mẽ có Avraham Burg, một quan chức cũ của Công đảng và Chủ tịch Knesset (Quốc hội Israel), người coi cuộc rút lui của Sharon khỏi Gaza là “một trò gian lận lớn, một sự hy sinh những khu định cư không quan trọng và tầm thường ở Gaza... để đổi lấy việc duy trì những sai trái và đời bại của tâm hồn Israel”<sup>4</sup>. Còn Shlomo Ben-Ami, Ngoại trưởng trong Chính phủ Barak, thì viết: “Chương trình được che giấu của Sharon... vẫn không thay đổi. Làm suy yếu phong trào dân tộc Palestines... và hạn chế một quê hương của người Palestines trong những vùng đất rải rác, xung quanh là các khu định cư, vùng quân sự chiến lược, và một mạng lưới những đường vòng chỉ kẻ chiếm đóng Israel mới được sử dụng”.

Cuối tháng 9/2006, *Haaretz* đăng một báo cáo của John Dugard, người cầm đầu phái đoàn nhân quyền Liên hợp quốc tại Gaza (một giáo sư nổi tiếng, luật gia, người chống chế độ *apartheid* từ lâu), tuyên bố rằng Israel đã biến Gaza thành “một nhà tù của người Palestines... Ở đây cuộc sống không chịu đựng nổi, khủng khiếp, bi thảm”. Ngoài ra, ông nói rằng ngay ở Bờ Tây, hàng rào ngăn cách cùng những hạn chế ngặt nghèo khác của Israel đối với sự tự do di chuyển đã gây ra tình trạng nghèo khổ để buộc người Palestines từ bỏ và đi nơi khác. Những lời tuyên bố trên không được *New York Times* đăng tải.

### **Bạo lực và khủng bố trong cuộc xung đột Israel - Palestines**

Khi bàn đến vấn đề bạo lực chính trị, cả nói chung lẫn trong bối cảnh cuộc xung đột Israel - Palestines, ta phải phân biệt giữa cách mạng vũ trang và chủ nghĩa khủng bố. Lúc tưởng thuật *intifada* và phản ứng của Israel, báo *New York Times* không phân biệt bạo lực của người Palestines với bạo lực của Israel, tức là người Palestines dùng sức mạnh chống lại cuộc chiếm đóng hà khắc, trong khi Israel sử dụng sức mạnh lớn hơn nhiều để duy trì ách chiếm đóng đó. Nếu không có sự phân biệt này, thì chẳng thể có sự phân tích nghiêm chỉnh về đạo lý và trí tuệ về cuộc xung đột.

Còn khủng bố thì là cuộc tấn công cố ý vào dân thường nhằm mục đích chính trị, một hành động mà đạo lý không chấp nhận, dù là vì chính nghĩa. Cách mạng vũ trang không phải là trường hợp này vì trước hết, phải thấy rõ là những chiến lược bất bạo động khác ít có triển vọng thành công. Thứ hai, sức mạnh vũ trang chỉ

được nhằm chống chính quyền áp bức cùng quân đội của nó, chứ không phải chống dân thường vô tội. Thứ ba, phải có triển vọng là cách mạng, được coi như phương kế cuối cùng, chẳng những sẽ thành công mà số sinh mạng tổn thất phải tương xứng với chính nghĩa đạt được. Áp dụng những tiêu chí này vào bạo lực của người Palestines chống Israel làm nảy sinh một số vấn đề đạo lý. Nhưng không giống *New York Times*, báo *Haaretz* đã tìm cách làm việc đó.

Mặc dù trong những giai đoạn trước của cuộc đấu tranh, người Palestines đã dùng biện pháp khủng bố, nhưng *intifada* lúc đầu không phải là những cuộc tấn công khủng bố. Quả thật, người Palestines ít dùng bạo lực vũ trang chống binh lính và cảnh sát Israel, mặc dù cảnh sát và quân đội Israel trong những ngày đầu tiên giết từ 65 đến 100 người Palestines, đôi khi bắn thẳng vào khu vực thánh đường Núi Đền. Sau đấy, *intifada* biến thành cuộc nổi dậy vũ trang. Shlomo Ben-Ami, lúc đó là Ngoại trưởng Israel, tổng kết sự việc như sau: “Phản ứng quá mạnh của Israel đối với cái bắt đầu là một cuộc nổi dậy của quân chúng, với những người trẻ tuổi không có khí giới đối đầu với binh lính Israel được trang bị vũ khí giết người, đã kích động *intifada* đến mức không kiểm soát được và biến nó thành một cuộc chiến tranh tổng lực”<sup>5</sup>.

Sau ngày ông Ariel Sharon được bầu làm Thủ tướng vào tháng 1 năm 2001, người Palestines bắt đầu tấn công đại quy mô dân thường ở Israel. Hành động khủng bố này không thể chấp nhận được về đạo lý, nhưng khi tìm hiểu vấn đề, ta phải xét xem phải chăng chủ nghĩa khủng bố của người Palestines là phản ứng đối với chính

sách dần áp ngày càng tăng của Sharon. Mặc dù *New York Times* chỉ trích Sharon, nhưng ít khi tờ báo đó vạch ra mối liên quan giữa hành động của Israel với phản ứng của người Palestines. Trong khi đó, nhiều nhà quan sát Israel, kể cả nhà báo, trí thức, thậm chí một số sĩ quan quân đội về hưu, quan chức tình báo, và chính trị gia lại có ý kiến riêng của mình về vấn đề khủng bố.

*New York Times* ít khi nói đến lời khẳng định của các quan chức Hamas và Islamic Jihad rằng, nhiều vụ đánh bom tự sát của họ được thực hiện để trả thù những cuộc tấn công quân sự của Israel đã giết chết thường dân Palestines. Nhưng trong hàng chục bài đăng trên *Haaretz* những năm qua, Gideon Levy và Amira Hass nhiều lần nêu mối liên quan giữa cuộc đàn áp của Israel với chủ nghĩa khủng bố của người Palestines. Levy nói rằng “động cơ chính của cuộc chiến chống chúng ta là khát vọng giữ bỏ ách chiếm đóng tàn ác” hoặc “Arafat chọn con đường khủng bố khi chẳng có lựa chọn quân sự nào khác mở ra cho ông ta, và khi cơ hội đạt một giải pháp công bằng với Israel, mà không đổ máu, là không có”.

Nếu cho rằng sở dĩ Levy và Hass viết như vậy vì họ “tả khuynh”, thì nên nhớ rằng những lời phê phán thẳng thừng như vậy không phải chỉ thấy ở những người viết bài cho *Haaretz*. Các nhân vật quan trọng khác của Israel, những nhà hoạt động vì hòa bình, chính trị gia, thậm chí quan chức Shin Bet đã về hưu cũng có những lập luận tương tự. Ví dụ, tháng 11 năm 2003, Amram Mitzna, người ứng cử năm trước chức thủ tướng do Công đảng giới thiệu, đã viết rằng chính sách hiện thời của Israel chẳng những không đánh bại được chủ nghĩa

khủng bố, mà còn “đang đẻ ra chủ nghĩa khủng bố”.

Tháng 9/2005, một quan chức cao cấp của Israel giải thích chủ nghĩa khủng bố của người Palestines như sau: “Câu hỏi là, người Palestines có cách lựa chọn nào khác để đấu tranh cho quyền của họ và chống lại sự tổn hại liên miên mà IDF (Lực lượng Phòng vệ Israel) và người định cư gây ra”. Giống như vậy, một luật gia danh tiếng đấu tranh cho nhân quyền là Michael Sfard, bình luận: “Có một cuộc chiếm đóng ở đây, và mọi điều đều bắt đầu từ đây và xuất phát từ đây” kể cả “chủ nghĩa khủng bố của người Palestines”.

Trong một bài phỏng vấn tháng 1 năm 2007, Nissim Levy, người làm việc ở Shin Bet trong hai mươi năm, kể cả ở các trại tị nạn người Palestines tại Gaza, nói rằng: “Khi anh bắt một người và dồn người đó vào chân tường rồi chẳng để cho người đó nhiều cách lựa chọn, thì anh muốn người đó làm gì?... Anh có nghĩ rằng nếu chúng ta ở trong tình thế của họ, chúng ta sẽ không có người đánh bom tự sát hay sao?”<sup>6</sup>. Tóm lại, mối liên quan giữa cuộc chiếm đóng của Israel và chủ nghĩa khủng bố của người Palestines được thảo luận công khai tại Israel, nhưng ở Hoa Kỳ, kể cả trên *New York Times*, một sự im lặng trùm lên vấn đề này.

Hơn nữa, trong khi bàn đến chủ nghĩa khủng bố của người Palestines, chúng ta có nên đề cập đến chủ nghĩa khủng bố của Israel không. Nhiều nhà bình luận của Israel nói rằng trong cuộc đấu tranh cho độc lập, những kẻ theo chủ nghĩa Xi-ôn, hay ít nhất các nhóm cực đoan, đã giết hại hàng trăm thường dân Ả-rập, chủ yếu bằng gài bom trên xe buýt, nhà hát, tiệm ăn, và những nơi công cộng

khác. Ngay sau khi độc lập, quân đội Israel tiếp tục bắn giết thường dân Arab. Ví dụ rõ ràng nhất là việc Ariel Sharon cho binh lính tấn công các làng mạc người Jordan những năm 1950, dùng không quân đánh ồ ạt vào các thành phố Ai Cập trong cuộc chiến tranh năm 1970-1973, tấn công Lebanon những năm 1970 và, nhất là, năm 1982.

Mặc dù đánh vào dân thường Palestines không còn là chủ trương của người Israel nữa, nhưng họ vẫn tìm cách tiêu diệt chính phủ dân sự Palestines và tấn công quân sự bừa bãi. *Haaretz* coi hành động đó là chủ nghĩa khủng bố nhà nước. Ví dụ, trong khi xâm nhập Bờ Tây và dải Gaza tháng 3/2002, binh lính Israel đã giết hại hàng chục thường dân Palestines, gọi là để trừ tận gốc “các phần tử khủng bố” ở các trại tị nạn, nhưng mục đích sâu xa hơn là phá hoại khả năng quản lý của Chính quyền Palestines và lãnh tụ Yasser Arafat. Trụ sở của ông Arafat, lực lượng cảnh sát Palestines, các bộ của chính phủ, cơ quan thành phố, trường học, thậm chí bệnh viện và xe cứu thương cũng bị tấn công. Tổ chức *Thầy thuốc Israel vì Nhân quyền* nói rằng họ có bằng chứng quân đội đã tấn công ít nhất 165 xe cứu thương Palestines và làm bị thương 135 nhân viên y tế<sup>7</sup>. Một trong những nhà bình luận phân nộ ở *Haaretz* là Danny Rubinstein viết: “Chiến tranh hiện nay đang được Israel tiến hành ở đất Palestines không còn là chống các toán khủng bố, mà đã phát triển thành một cuộc chiến tranh chống toàn thể dân chúng”.

Tuy chiến tranh không còn quy mô và sự tàn bạo như năm 2002, nhưng để tiêu diệt chiến binh Palestines, quân đội Israel thường sử dụng hỏa

lực mạnh, kể cả ném bom và phóng tên lửa bằng máy bay, vào các đô thị đông đúc và trại tị nạn, làm thiệt mạng và bị thương hàng trăm dân thường vô tội. Ví dụ, ngày 22/7/2002, một máy bay Israel ném bom một ngôi nhà chung cư nhằm giết một người lãnh đạo Hamas, nhưng cướp đi sinh mạng 15 dân thường, hầu hết là trẻ em.

Những bài viết công phần không phải chỉ của ký giả thuộc *Haaretz*. Năm 2003, hàng trăm quân nhân trừ bị Israel, bao gồm phi công chiến đấu cùng nhiều người thuộc những đơn vị tinh nhuệ, đã tuyên bố từ chối tham gia những trận “tấn công phi pháp và vô đạo đức vào các trung tâm thường dân”<sup>8</sup>.

Trong cuộc chiến tranh Lebanon năm 2006, một số nhân vật danh tiếng ở Israel cũng lên án việc quân đội nước họ tấn công thường dân Lebanon và các cơ sở hạ tầng quan trọng. Ví dụ, Galia Golan, một nhà chính trị học xuất sắc viết trong tờ báo *Yediot Aharonot* rằng, ở cả Lebanon và các vùng bị chiếm đóng, Israel đã “trừng phạt tập thể thường dân Palestines. Ở cả hai trường hợp, mục đích hình như là... giáng đòn trừng phạt lên dân chúng địa phương đến mức khiến họ phải ép chính phủ họ làm cái chúng ta muốn họ làm”. Một nhà chính trị học lỗi lạc khác là Zeev Maoz viết rằng Israel đang sử dụng tại Lebanon “sức mạnh quá đáng mà chẳng phân biệt giữa dân thường với kẻ thù”.

Trong 18 tháng sau khi Hamas tuyên bố tạm ngừng khủng bố, số thương vong của dân thường Israel giảm đi nhiều, nhưng thương vong của dân Palestines vẫn không giảm. Tháng 6/2006, hai phóng viên *Haaretz* viết rằng trong hai tháng trước, pháo

binh và những cuộc tấn công bừa bãi khác của Israel đã giết hại hàng chục thường dân ở dải Gaza “vào lúc chẳng một người Israel nào bị giết do khủng bố”. Trong báo cáo hàng năm của tổ chức Ân xá Quốc tế năm 2006, được đăng toàn văn trong *Haaretz*, tổ chức này tố cáo rằng nhiều người Palestines “bị giết một cách phi pháp trong những vụ bắn phá và không kích liều lĩnh tại các khu dân cư đông đúc, hoặc do việc sử dụng sức mạnh quá đáng”, nhưng *New York Times* không hề đưa tin hay bình luận về báo cáo này.

### Thủ tướng Ehud Olmert, phong trào Hamas, và triển vọng hòa bình

Đầu năm 2006, Hamas thắng lợi trong cuộc bầu cử ở Palestines, ông Ehud Olmert cùng đảng Kadima thành công tại Israel, đánh bại ứng cử viên ôn hòa của Công đảng. Tháng 6/2007, Hamas tiếp quản dải Gaza. Ba sự kiện này làm cho triển vọng giải quyết cuộc xung đột Israel - Palestines càng xa vời.

Từ lúc tiến hành cuộc vận động tranh cử cho đến khi nổ ra cuộc chiến tranh Lebanon mùa Hè năm 2006, Ehud Olmert công khai tuyên bố sẽ đơn phương rút các khu định cư nhỏ ở sâu trong Bờ Tây, nhưng giữ lại và phát triển cả dân cư lẫn đất đai những khu định cư lớn hơn gần biên giới năm 1967 vẫn nằm trong đất Palestines. An ninh của các “khối định cư” này sẽ được bảo vệ chẳng những bằng tường và hàng rào, mà còn bằng lực lượng quân sự Israel đóng lại ở các phần khác của Bờ Tây, nhất là trong thung lũng sông Jordan. Như *Haaretz* nhận xét, biện pháp này nhằm để chia cắt Bờ Tây thành ba vùng cách biệt nhau: vùng

Nam Bờ Tây, vùng Bắc Bờ Tây, và thung lũng Jordan.

Về Jerusalem, ông Olmert trắng trợn tuyên bố: “Tôi sẽ... chẳng bao giờ đồng ý về một thỏa hiệp kiểm soát đầy đủ Núi Đền, Thành phố cũ... và mọi nơi khác vốn là một bộ phận không thể tách rời của lịch sử Do Thái”<sup>9</sup>. Sau cuộc chiến tranh Lebanon, thái độ của Israel còn cứng rắn hơn nữa, thậm chí kế hoạch của Olmert về việc đơn phương rút những khu định cư nhỏ khỏi Bờ Tây cũng bị gác lại. Còn về giải pháp thương lượng, thì Olmert nói với Knesset (Quốc hội Israel) rằng ông sẵn lòng gặp Tổng thống Chính quyền Palestines là Abbas để bàn về “một tầm nhìn chính trị”, nhưng “sẽ không có cuộc thảo luận nào” về Jerusalem, dân tị nạn Palestines, hoặc việc rút về biên giới năm 1967.

Khi tất cả các vấn đề lớn bị coi là không thương lượng được, thì ngay những thủ lĩnh ôn hòa nhất của Palestines cũng chẳng chấp nhận một kết quả như vậy của cuộc xung đột Israel - Palestines. Trong khi đó, Chính phủ Olmert tiếp tục mở rộng các khu định cư và kéo dài hàng rào phân cách để tạo ra những vùng đất cô lập của dân Palestines. Báo *New York Times* ít phân tích nghiêm chỉnh về kế hoạch và ý đồ của Olmert sẽ tác động như thế nào đến khả năng có một giải pháp hai nhà nước cho cuộc xung đột. Đành rằng các bài xã luận của *New York Times* nhiều lần tán thành cách giải quyết bằng thương lượng, nhưng lập luận rằng cách giải quyết như thế sẽ không diễn ra “trước khi Hamas từ bỏ khủng bố và công nhận quyền tồn tại của Israel”. Tờ báo cũng chẳng nói rằng, chính sách của Ehud Olmert đã phá hoại cơ hội có một giải pháp thương lượng với Tổng

thống Abbas, nhà lãnh đạo Palestines ôn hòa nhất từ trước đến nay.

Trái lại *Haaretz*, cũng như nhiều phương tiện thông tin đại chúng khác ở Israel, đã thẳng thắn phân tích kế hoạch của Olmert. Các tác giả xã luận cùng những phóng viên khác như Akiva Eldar, Uzi Benziman, Gideon Samet, và Amira Hass đã bình luận gay gắt rằng, kế hoạch của Olmert không dự kiến cho một nhà nước Palestines thật sự, mà chỉ là một loạt vùng đất không thể phát triển về kinh tế, chính trị, hay tâm lý. Các nhà báo đó nổi tiếng là những người phê phán mạnh mẽ chính sách của Israel, nhưng còn đáng chú ý hơn nữa là một bài viết của ký giả bảo thủ trong *Haaretz* là Nehamia Shtrasler như sau:

“Olmert đề nghị một giải pháp không thể thực hiện được: ba khối định cư được tăng cường, chia cắt Bờ Tây và làm cho thực thể Palestines không tồn tại được. Liệu có ai thật sự tin rằng có thể tìm được một người Palestines đồng ý với một giải pháp như thế? Có một nước nào trên thế giới đồng ý với những cách sáp nhập như thế? Sự sáp nhập ô ạt sẽ chỉ đưa đến một hướng rõ ràng: tiếp tục chiến tranh. Nhưng tệ hơn cả là thành công ở việc bịt mắt công chúng... trước thực tế là Israel đã trở thành một nhà nước của kẻ chiếm đóng tàn bạo, hành quyết người chẳng cần xét xử, đánh cắp đất dưới vỏ bọc của tòa án, phá hủy nhà cửa, làm hại cuộc sống của dân vô tội, tạo nên sự nghèo khổ, thất nghiệp, và thiếu thốn ở toàn bộ dân cư, nhạo báng tất cả những gì các bậc tiên tri của Israel truyền dạy”<sup>10</sup>.

Như đã nói, việc Hamas trúng cử và sau đó tiếp quản Gaza đã phá hoại thêm triển vọng về một giải pháp hai

nhà nước. Rõ ràng những thay đổi lớn trong hành động và mục đích của Hamas là một điều kiện cần thiết cho cách giải quyết bằng thương lượng. Tuy nhiên, những thay đổi đó không phải là một điều kiện đầy đủ nếu Israel không thay đổi chính sách.

Một số nhà bình luận Israel đã nói rằng Hamas, dù mơ hồ và tiên hậu bất nhất đến thế nào, cũng đang dần dần chấp nhận sự tồn tại của Israel. Theo cách lý giải lạc quan nhất, thì Hamas có vẻ dần dần từ bỏ tư tưởng ngoan cố của họ và chấp nhận thực tế, tương tự như điều ông Arafat và Mặt trận Giải phóng Palestines (PLO) đã làm trong những năm 1970. Từ năm 2005, một số bài bình luận của *Haaretz* đã theo dõi sự tiến triển của Hamas. Tháng 2 năm đó, Hamas thông báo sẽ đơn phương ngừng bắn với Israel trong một thời gian không xác định. Trong hai năm tiếp theo, Hamas nói chung chấm dứt các cuộc khủng bố ở Israel, chỉ trừ sau những vụ đột kích gây tổn thất nặng của Israel tại Gaza. Kết quả là số thương dân Israel chết giảm đi nhiều trong thời gian này.

Tháng 1 năm 2006, thủ lĩnh của Hamas ở Gaza là Ismail Haniyeh trở thành Thủ tướng Chính quyền Palestines, sau khi Hamas thắng lợi tại cuộc bầu cử tại Gaza. Tuy vậy, Hamas vẫn quyết định công nhận ông Mahmoud Abbas là Tổng thống Chính quyền Palestines và nhận lời tham gia chính phủ liên hiệp với Fatah. Trong 18 tháng tiếp theo, Hamas đồng ý để Abbas thương lượng với Israel, và có những dấu hiệu nữa cho thấy Hamas tự kiểm chế, ví dụ tháng 12 năm 2006, Haniyeh nhắc lại lời kêu gọi đình chiến với Israel và thành lập một nhà nước Palestines tạm thời dọc biên giới Israel năm 1967.



Trong số các thủ lĩnh của Hamas, còn Khaled Meshal, đặt căn cứ ở Syria, cũng có chiều hướng chấp nhận, tuy miễn cưỡng, Israel trong biên giới trước năm 1967. Từ giữa năm 2006, các quan chức Hamas đã nói với *Haaretz* rằng, Meshal ủng hộ một thỏa thuận toàn bộ bao gồm trao đổi tù binh và tiếp tục ngừng bắn lâu dài, kể cả việc Islamic Jihad ngừng tấn công bằng rocket, miễn là Israel chấm dứt chính sách ám sát ở các lãnh thổ chiếm đóng. Tháng 1 năm 2007, Meshal còn đi xa hơn nữa, tuyên bố Hamas sẽ xem xét việc công nhận Israel như một “thực thể” khi nào một nhà nước Palestines được thiết lập ở các lãnh thổ chiếm đóng.

Tuy Chính phủ Ehud Olmert chủ yếu coi những thay đổi trong lập trường Hamas chỉ có tính chất vụn vặt ít giá trị, nhưng nhiều nhà bình luận Israel nói rằng những thay đổi đó rất có ý nghĩa. Ví dụ, Danny Rubinstein, chuyên gia hàng đầu của *Haaretz* về chính trường Palestines, viết rằng chẳng còn bất đồng lớn giữa Hamas và PLO do Abbas lãnh đạo đối với Israel. Yossi Alpher, tuy nhận định là bản tuyên bố của Hamas vẫn kêu gọi tiêu diệt Israel, nhưng viết rằng “Hamas sẽ ít nhiều bằng lòng biên giới năm 1967, và đáp lại sẽ bảo đảm hòa bình và yên tĩnh trong hai mươi năm hay ba mươi năm quan hệ láng giềng tốt và xây dựng lòng tin...”

Tóm lại, người ta đã thảo luận rộng rãi ở Israel về khả năng có những thay đổi đáng kể trong lập trường của Hamas về Israel. Trái lại *New York Times*, trong khi thỉnh thoảng đăng một bài thừa nhận những thay đổi của Hamas, đã phớt lờ những thay đổi đó và, trong các xã luận, tiếp tục nhấn mạnh rằng “Hamas từ chối đi những bước nhỏ nhất...” và “Chính phủ

Palestines do Hamas lãnh đạo... bác bỏ chính cái khái niệm về một nền hòa bình bằng thương lượng”.

Những thay đổi trong lập trường của Hamas về một giải pháp chính trị rất có thể mơ hồ, và kèm theo các lời tuyên bố có vẻ hòa giải là những lời tuyên bố cứng rắn. Hơn nữa, họ chẳng có động thái nào nhằm vứt bỏ ý tưởng bài Do Thái. Như vậy, liệu Hamas có tiến miễn cưỡng và không nhất quán đến chỗ công nhận một thực thể Israel hay không, thì điều đó chỉ có thể được quyết định bằng thương lượng trực tiếp với họ, và quan trọng hơn, bằng cách ứng xử của Hamas sau khi thương lượng.

### Kết luận

Ở Israel, người ta bàn luận về chính sách của Israel đối với người Palestines nhiều hơn tại Hoa Kỳ: trách nhiệm của Israel đối với thất bại của cuộc hội đàm ở trại David năm 2000 và sự đổ vỡ của quá trình hòa bình từ đây, tính chất *intifada* của dân Palestines và phản ứng của Israel, cuộc chiếm đóng của Israel tại Bờ Tây và dải Gaza cùng sự đàn áp kèm theo, hậu quả của hàng rào phân cách cùng những biện pháp khác nhằm bảo đảm chủ quyền Israel ở một số vùng tại Bờ Tây cũng như sự kiểm soát có hiệu quả hầu hết phần còn lại, ý nghĩa và mục đích đằng sau việc Israel rút khỏi Gaza năm 2005, mức độ và lý do của bạo lực và khủng bố mà cả người Israel và dân Palestines sử dụng, ý nghĩa chính sách của Chính phủ Ehud Olmert, liệu sự nổi lên của Hamas tại Gaza có chấm dứt mọi triển vọng thỏa hiệp không.

Về tất cả các vấn đề đó, phương tiện truyền thông của Hoa Kỳ nói chung, kể cả tờ báo có uy tín nhất và nhiều ảnh hưởng nhất là *New York*

*Times*, ít khi phê phán mạnh mẽ chính sách của Israel như phương tiện truyền thông Israel, bao gồm tờ báo có uy tín và nhiều ảnh hưởng nhất ở Israel là tờ *Haaretz*. Nếu không có tranh luận mang tính phê phán, thì triển vọng thay đổi trong chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ hầu như không có. Điều này có hậu quả tai hại chẳng những cho lợi ích quốc gia của Mỹ mà cho cả lợi ích tốt nhất của Israel.

Trong hồi ký của mình, Max Frankel, người phụ trách trang xã luận của *New York Times* những năm 1970 và 1980, thừa nhận rằng các bài xã luận của ông về Trung Đông được viết "theo quan điểm thân Israel". Tờ *New York Times* tiếp tục bảo vệ Israel theo quan điểm này, chẳng những ở xã luận mà cả trong việc đưa tin. Vấn đề *New York Times* bàn luận cuộc xung đột Israel - Palestines là một vấn đề nhạy cảm. Tin tức và xã luận của *New York Times* đôi khi có vẻ ôn hòa và cân bằng. Ví dụ, các bài đó nói rằng người Israel và Palestines có trách nhiệm ít nhiều ngang nhau về cuộc xung đột.

Từ năm 2005, bài của *New York Times* viết về tác động cuộc chiếm đóng đối với người Palestines đã khách quan hơn đôi chút. Tuy nhiên, tờ báo đó vẫn xuyên tạc sự thật bằng nhiều cách. Ví dụ, thậm chí khi phê phán Israel, tờ báo lại công kích người Palestines mạnh hơn, quy hầu hết

trách nhiệm về thất bại trước kia và hiện nay của tiến trình hòa bình cho họ. *New York Times* không phân biệt giữa kẻ chiếm đóng với nạn nhân cuộc chiếm đóng, kẻ áp bức với người bị áp bức, giữa kẻ mạnh và người yếu.

Nếu không có sự uốn nắn lại nhận thức của quan chức và công chúng Hoa Kỳ, thì không chắc có thay đổi nhiều trong chính sách của Chính phủ Mỹ. Một trách nhiệm quan trọng ở việc uốn nắn này là của các trang báo *New York Times* ■

#### Tài liệu tham khảo:

1. *New York Times*, các số February 13, 2004; January 7, 2007; January 20, 2006; March 30, 2006.
2. *Haaretz*, các số November 13, 2003; January 21, 2004; October 26, 2005; January 13, 2006.
3. *Washington Post*, December 10, 2006; December 12, 2006.

#### Chú thích:

- 1) *New York Times*, June 15, 2004.
- 2) *Haaretz*, January 21, 2004.
- 3) *New York Times*, March 10, 2006.
- 4) *Haaretz*, August 4, 2005.
- 5) Ben-Ami, *Scars of War, Wounds of Peace*. p. 267.
- 6) *Haaretz*, January 5, 2007.
- 7) *Haaretz*, March 12, 2002.
- 8) *Haaretz*, September 24, 2003.
- 9) Report on Israeli Settlement in the Occupied Territories, p.6.
- 10) *Haaretz*, March 21, 2006.